

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH số 34/2005/QĐ-TTg
ngày **22/02/2005** của Thủ tướng
Chính phủ ban hành Chương
trình hành động của Chính
phủ thực hiện Nghị quyết số
41/NQ-TW ngày 15/11/2004 của
Bộ Chính trị về bảo vệ môi
trường trong thời kỳ đẩy mạnh
công nghiệp hóa, hiện đại hóa
đất nước.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày
25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-TW ngày
15 tháng 11 năm 2004 của Bộ Chính trị
về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy
mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất
nước;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài
nguyên và Môi trường,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết
định này Chương trình hành động của
Chính phủ thực hiện Nghị quyết số
41/NQ-TW ngày 15 tháng 11 năm 2004
của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường
trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa,
hiện đại hóa đất nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi
hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng
Công báo.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan
ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc
Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân
các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung
ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết
định này./.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phan Văn Khải

CHƯƠNG TRÌNH hành động của
Chính phủ thực hiện Nghị
quyết số 41/NQ-TW ngày
15/11/2004 của Bộ Chính trị về
bảo vệ môi trường trong thời
kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa,
hiện đại hóa đất nước

*(ban hành kèm theo Quyết định số
34/2005/QĐ-TTg ngày 22/02/2005
của Thủ tướng Chính phủ).*

I. MỤC TIÊU

Chương trình hành động cụ thể hóa các
nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện Nghị
quyết số 41/NQ-TW của Bộ Chính trị về
bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy
mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất
nước nhằm ngăn ngừa, hạn chế, khắc

phục ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường, phục hồi và từng bước nâng cao chất lượng môi trường, kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, thực hiện tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường phục vụ mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

II. NHIỆM VỤ

1. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về bảo vệ môi trường:

Phổ biến, quán triệt rộng rãi Nghị quyết của Bộ Chính trị, Chương trình hành động của Chính phủ, các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường.

Hình thành và tăng cường năng lực cho các bộ phận tuyên truyền môi trường trong các cơ quan, tổ chức, đoàn thể ở Trung ương và địa phương; xây dựng chương trình truyền thông môi trường trên các phương tiện truyền thông đại chúng ở Trung ương, địa phương;

Đẩy mạnh việc thực hiện Đề án đưa các nội dung bảo vệ môi trường vào hệ thống giáo dục quốc dân; chú trọng giáo dục truyền thống yêu thiên nhiên, nếp sống gần gũi, gắn bó với môi trường; tăng cường công tác tuyên truyền đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh để giúp các cơ sở này nhận thức rõ trách nhiệm và tự giác thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Xây dựng và áp dụng tiêu chí về môi trường trong công tác thi đua khen thưởng; công bố công khai hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm tạo dư luận xã hội lên án nghiêm khắc đối với những hành vi đó.

2. Tăng cường công tác quản lý về bảo vệ môi trường:

Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, sửa đổi, bổ sung Luật Bảo vệ môi trường, xây dựng Luật Đa dạng sinh học và các văn bản hướng dẫn thi hành; rà soát, điều chỉnh, bổ sung nội dung bảo vệ môi trường đối với các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có liên quan chưa phù hợp.

Xác định rõ trách nhiệm và phân công, phân cấp hợp lý nhiệm vụ bảo vệ môi trường giữa các Bộ, ngành và các địa phương; tăng cường sự liên kết, phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong việc bảo vệ môi trường.

Kiện toàn tổ chức quản lý môi trường ở các Bộ, ngành; xác định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức bảo vệ môi trường trong cơ cấu tổ chức của Bộ, ngành; nâng cao năng lực quản lý bảo vệ môi trường cho cán bộ của các Bộ, ngành; tăng cường chức năng, nhiệm vụ của Bộ Công an trong việc thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường.

Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường ở cấp địa phương, tăng biên chế chuyên trách, tăng cường

cơ sở vật chất kỹ thuật cho các cơ quan quản lý về bảo vệ môi trường ở địa phương, chú trọng ở cấp quận, huyện, phường, xã.

Tăng cường công tác quản lý môi trường tại khu vực sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, quy định việc thành lập đơn vị quản lý môi trường trong các ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, các doanh nghiệp.

Sớm nghiên cứu, xây dựng cơ chế phối hợp giữa Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc lưu vực các sông trong việc bảo vệ môi trường lưu vực sông.

Tăng cường năng lực giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thể chế hóa yêu cầu bảo vệ môi trường trong việc lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội:

Xây dựng Nghị định quy định việc bảo vệ môi trường trong các khâu lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, trong đó chú trọng vai trò và trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường, các cơ quan, đoàn thể và cộng đồng dân cư có liên quan; bảo đảm tỷ lệ vốn thích hợp để thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định trong tổng vốn đầu tư của dự án phát triển; thực hiện nghiêm việc

đánh giá tác động môi trường đối với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển.

Xây dựng và áp dụng các tiêu chí môi trường trong bộ chỉ tiêu phát triển bền vững của Việt Nam.

Rà soát, điều chỉnh các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển quốc gia, ngành, địa phương hiện chưa đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường, phát triển bền vững.

4. Tăng cường nguồn lực tài chính, đẩy mạnh áp dụng các biện pháp kinh tế, tạo sự chuyển biến cơ bản trong đầu tư bảo vệ môi trường:

Tiếp tục thể chế hóa việc áp dụng công cụ kinh tế; nghiên cứu trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn thu và sử dụng các loại phí, lệ phí bảo vệ môi trường theo danh mục đính kèm Pháp lệnh Phí và lệ phí; khẩn trương xây dựng Luật Thuế bảo vệ môi trường.

Phân định rõ các nội dung chi từ ngân sách nhà nước cho các hoạt động sự nghiệp môi trường. Trên cơ sở đó hình thành mục chi ngân sách nhà nước riêng cho các hoạt động sự nghiệp môi trường, xây dựng kế hoạch thực hiện để đến năm 2006 bố trí không dưới 1% tổng chi ngân sách nhà nước cho mục chi các hoạt động sự nghiệp môi trường và bảo đảm tăng dần hàng năm theo tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Đa dạng hóa đầu tư bảo vệ môi trường để bảo đảm có đủ nguồn lực bảo vệ môi

trường, cần chú trọng huy động mọi nguồn lực trong toàn xã hội để đầu tư bảo vệ môi trường.

Rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, biện pháp cụ thể để khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư cho bảo vệ môi trường. Các cấp chính quyền địa phương có trách nhiệm huy động các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư đóng góp công sức, tiền của... để đầu tư bảo vệ môi trường. Đầu tư bảo vệ môi trường cần được lồng ghép với các chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Rà soát, hoàn thiện và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ vốn, ưu đãi, khuyến khích về thuế, các biện pháp trợ giá đối với hoạt động bảo vệ môi trường phù hợp với thông lệ quốc tế. Hoàn thiện cơ chế, đẩy mạnh hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

Tăng tỷ lệ đầu tư cho bảo vệ môi trường từ nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).

5. Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường:

Thể chế hóa các quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của các tổ chức, đoàn thể, cộng đồng dân cư, cá nhân tham gia công tác bảo vệ môi trường, đặc biệt trong quá trình xây dựng, ban hành và thực hiện các quyết định có liên quan về bảo vệ môi trường.

Đa dạng hóa các loại hình hoạt động bảo vệ môi trường, khuyến khích sự

tham gia của khu vực tư nhân, có cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế thực hiện các dịch vụ bảo vệ môi trường; khuyến khích thành lập các tổ chức đánh giá, tư vấn, giám định, công nhận, chứng nhận về bảo vệ môi trường.

Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ môi trường, xây dựng và phát triển các điển hình tiên tiến trong hoạt động bảo vệ môi trường.

Chú trọng xây dựng và thực hiện hương ước, quy định, cam kết bảo vệ môi trường; phát triển các mô hình cộng đồng dân cư tự quản trong hoạt động bảo vệ môi trường.

6. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, chuyển giao, ứng dụng công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực cho bảo vệ môi trường:

Đẩy mạnh nghiên cứu xây dựng luận cứ khoa học phục vụ công tác hoạch định chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về bảo vệ môi trường.

Tổng kết, đánh giá, đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản; hoàn thiện quy hoạch tổng thể của hệ thống quan trắc, dự báo, cảnh báo về tài nguyên và môi trường, đồng thời tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật và nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ của hệ thống.

Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ môi trường, công nghệ sạch, thân thiện môi trường, phát triển các công nghệ xử lý và tái chế, tái sử dụng

chất thải; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong bảo vệ môi trường; xây dựng và nhân rộng các mô hình về sản xuất sạch hơn; hình thành và phát triển ngành công nghiệp môi trường, tạo thị trường, thúc đẩy các doanh nghiệp dịch vụ môi trường, phát triển kinh tế môi trường.

Nâng cao năng lực các tổ chức nghiên cứu khoa học, công nghệ về môi trường, thành lập Viện Nghiên cứu chiến lược, chính sách tài nguyên và môi trường.

Đẩy mạnh công tác đào tạo cán bộ chuyên môn và cán bộ quản lý cho lĩnh vực bảo vệ môi trường.

7. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường; đáp ứng yêu cầu về môi trường trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế:

Thực hiện đầy đủ các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia, các hoạt động hợp tác quốc tế song phương và đa phương về môi trường, chú trọng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ để bảo đảm hiệu quả của các hoạt động trên. Tăng cường công tác nội luật hóa các điều ước quốc tế về bảo vệ môi trường mà Việt Nam đã phê chuẩn.

Hoàn thiện hệ thống chính sách, tiêu chuẩn môi trường Việt Nam phù hợp với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, đẩy mạnh việc phổ biến và áp dụng các tiêu chuẩn về môi trường có liên quan đến sản phẩm và hàng hóa xuất nhập khẩu.

Xây dựng chiến lược hợp tác và huy

động tối đa các nguồn lực quốc tế, chú trọng việc nâng cao năng lực xây dựng các chương trình, dự án, quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài trợ quốc tế cho bảo vệ môi trường.

Tăng cường hợp tác với các quốc gia có chung đường biên giới, nhất là có chung các con sông để bảo vệ môi trường khu vực biên giới và kiểm soát ô nhiễm xuyên biên giới.

8. Kiểm soát ô nhiễm và quản lý chất thải:

Xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về kiểm soát ô nhiễm đến năm 2010; xây dựng, phê duyệt và triển khai thực hiện các đề án bảo vệ môi trường đối với các lưu vực sông đang bị ô nhiễm nặng.

Quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật môi trường đô thị, nông thôn, khu công nghiệp, tăng cường đầu tư cho các cơ sở thu gom, xử lý, tái chế chất thải, trong đó chú trọng quy hoạch, xây dựng các khu xử lý tập trung chất thải, đặc biệt là chất thải nguy hại, quản lý tốt việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, xử lý chất thải tại các làng nghề, khu chăn nuôi tập trung.

9. Bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học:

Tăng cường công tác bảo vệ môi trường biển, vùng ven biển và các hải đảo; công tác bảo vệ và phát triển rừng, đặc biệt đối với rừng nguyên sinh, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng ngập

mặn. Bảo vệ nghiêm ngặt các khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia.

Xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về bảo vệ đa dạng sinh học trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ các giống loài động vật, thực vật quý hiếm có nguy cơ bị tuyệt chủng trong danh mục cần bảo vệ; bảo vệ và chống thất thoát các nguồn gen bản địa quý hiếm; ngăn chặn sự xâm nhập của sinh vật ngoại lai, sinh vật biến đổi gen gây ảnh hưởng xấu đến con người và môi trường.

10. Khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên:

Sửa đổi, bổ sung Luật Khoáng sản và các văn bản dưới Luật về khai thác, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, khai thác tận thu, tránh thất thoát, lãng phí tài nguyên khoáng sản.

Quản lý tổng hợp các nguồn tài nguyên đất, nước, khoáng sản, đa dạng sinh học, tài nguyên biển và ven biển.

Xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách khuyến khích các mẫu hình tiêu thụ tiết kiệm, sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, hạn chế khai thác, sử dụng các tài nguyên năng lượng hóa thạch.

11. Bảo vệ môi trường đô thị và vùng ven đô thị:

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế

hoạch về kiểm soát ô nhiễm cho các đô thị và vùng ven đô.

Thực hiện các biện pháp đồng bộ nhằm tiến tới thu gom và xử lý toàn bộ chất thải bằng các giải pháp thích hợp nhằm giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ở đô thị và vùng ven đô.

Triển khai đồng bộ các biện pháp giảm tiếng ồn, khí độc, khói bụi thải từ các phương tiện giao thông, xử lý nghiêm tình trạng ô nhiễm do các phương tiện giao thông, do các hoạt động xây dựng gây ra.

Bảo vệ cảnh quan, phát triển cây xanh, quy hoạch hợp lý và xây dựng hệ thống các công trình vệ sinh công cộng hợp vệ sinh; ban hành và xử lý nghiêm các hành vi gây ô nhiễm môi trường khu du lịch, giải trí, khu vực công cộng, hành vi phá hoại cảnh quan, cây xanh.

Sửa đổi, hoàn thiện các tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật về quy hoạch, xây dựng đô thị, nghĩa trang, các công trình đô thị bảo đảm các yêu cầu về môi trường sinh thái, cảnh quan môi trường, bảo tồn di sản văn hóa.

12. Bảo vệ môi trường nông thôn:

Tổ chức thực hiện có hiệu quả Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói, giảm nghèo, chương trình dân số, kế hoạch hóa gia đình; tổ chức phổ biến các hình thức mai táng phù hợp nhằm từng bước xóa bỏ các tập tục lạc hậu về ma chay, mai táng không hợp vệ sinh gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe và môi

trường; tổ chức thực hiện các giải pháp đồng bộ để nâng tỷ lệ người dân nông thôn được dùng nước sạch và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

Đẩy mạnh việc phổ biến và áp dụng biện pháp phòng trừ dịch hại tổng hợp; thực hiện đồng bộ các biện pháp nhằm ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi lạm dụng hóa chất trong canh tác, bảo quản, chế biến hàng nông sản, thủy hải sản.

Quy hoạch và quản lý môi trường trong phát triển làng nghề, cụm công nghiệp, trang trại chăn nuôi tập trung; xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình cải thiện ô nhiễm môi trường làng nghề.

Xây dựng và phổ biến các mô hình sản xuất thân thiện môi trường, mô hình các làng kinh tế - sinh thái; tổ chức phổ biến, hướng dẫn áp dụng các phương thức, kỹ thuật canh tác tiên tiến nhằm ngăn chặn tình trạng thoái hóa và sa mạc hóa đất đai, sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất; xây dựng và phổ biến các mô hình nhà vệ sinh hợp vệ sinh, chi phí thấp.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì xây dựng đề Chính phủ xem xét, phê duyệt Đề án phát động Phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường trong Quý II năm 2005.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Tổng công ty, các Khu công nghiệp có trách nhiệm:

- Nghiên cứu, quán triệt các nội dung của Nghị quyết và Chương trình hành động, trong Quý II năm 2005 ban hành Chương trình, kế hoạch hành động, các đề án ưu tiên của Bộ, ngành, địa phương; cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu của Nghị quyết và Chương trình hành động này trong xây dựng các kế hoạch hàng năm, kế hoạch 5 năm của Bộ, ngành, địa phương.

- Tổ chức triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Ủy ban nhân dân các cấp ở địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phân bổ, bố trí chi ngân sách nhà nước cho hoạt động bảo vệ môi trường bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tế tại địa phương, phù hợp với định hướng, mục tiêu chung đã được xác định tại Nghị quyết.

3. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Chính phủ trong Quý IV năm 2005 Đề án kiện toàn và tăng cường năng lực cho bộ máy quản lý bảo vệ môi trường ở các Bộ, ngành, địa phương, khu chế xuất, khu công nghiệp.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường

trình Chính phủ trong Quý III năm 2005 Nghị định quy định việc bảo vệ môi trường trong các khâu lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển.

5. Tổng cục Thống kê chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập phân ngành môi trường, nghiên cứu xây dựng hệ thống tiêu chí môi trường trong bộ chỉ tiêu phát triển bền vững của Việt Nam.

6. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, đề xuất chủ trương, biện pháp để bảo đảm đến năm 2006 bố trí không dưới 1% tổng chi ngân sách nhà nước cho mục chi các hoạt động sự nghiệp môi trường và tăng dần hàng năm theo tốc độ tăng trưởng kinh tế, trình Chính phủ Đề án đa dạng hóa các nguồn lực tài chính đầu tư cho bảo vệ môi trường trong Quý III năm 2005.

Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh thực hiện các biện pháp kiểm soát, ngăn chặn việc nhập khẩu bất hợp pháp các loại hóa chất độc hại, thuốc trừ sâu, phân bón, rác thải...

7. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan trình Chính phủ trong Quý IV năm 2005 Đề án tổng thể rà soát, điều chỉnh, bổ sung nội dung bảo vệ môi trường đối với các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có liên quan.

8. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ nghiên cứu đề xuất phương án thành lập lực lượng cảnh sát môi trường, tăng cường chức năng, nhiệm vụ phát hiện, xử lý các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

9. Bộ Công nghiệp trình Chính phủ trong Quý IV năm 2005 Đề án hạn chế và giảm dần việc sử dụng hóa chất độc hại, các bao bì làm từ các loại vật liệu khó phân hủy trong công nghiệp, thay thế bằng các nguyên, vật liệu thân thiện môi trường.

10. Bộ Giao thông vận tải trình Chính phủ trong Quý IV năm 2005 Đề án giảm thiểu ô nhiễm do hoạt động giao thông vận tải.

11. Bộ Khoa học và Công nghệ trình Chính phủ trong Quý II năm 2005 Đề án thúc đẩy chuyển giao và ứng dụng công nghệ môi trường. Rà soát, hoàn chỉnh, ban hành bộ Tiêu chuẩn môi trường Việt Nam.

12. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Chính phủ trong Quý IV năm 2005 Đề án bảo vệ môi trường làng nghề và các khu chăn nuôi tập trung.

13. Bộ Thủy sản trình Chính phủ trong Quý IV năm 2005 Đề án tăng cường công tác bảo tồn đa dạng sinh học biển.

14. Bộ Xây dựng hướng dẫn thống nhất việc quy hoạch, xây dựng các tiêu chuẩn quy phạm về các công trình kỹ thuật hạ tầng và vệ sinh môi trường đô thị, nông thôn, khu công nghiệp trong

Quý III năm 2005. Xây dựng, trình Chính phủ đề án quy hoạch tổng thể quản lý chất thải rắn, nước thải cho các đô thị Việt Nam vào Quý IV năm 2005.

15. Viện Thi đua Khen thưởng Nhà nước chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu bổ sung tiêu chí bảo vệ môi trường trong công tác thi đua, khen thưởng của Nhà nước và tổ chức thực hiện.

16. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Phối hợp với Ban Khoa giáo Trung ương, Ban Kinh tế Trung ương, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các Bộ, ngành, địa phương, các đoàn thể tổ chức phổ biến rộng rãi nội dung Nghị quyết của Bộ Chính trị và Chương trình hành động này.

- Trình Chính phủ các đề án: Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản về tài nguyên và môi trường trong Quý III năm 2005, kế hoạch quốc gia về bảo vệ đa dạng sinh học 2006 - 2010 trong Quý IV năm 2005, Luật Đa dạng sinh học trong Quý II năm 2007.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chương trình này và định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phan Văn Khải

QUYẾT ĐỊNH số 35/2005/QĐ-TTg ngày 22/02/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Khu kinh tế cửa khẩu Khánh Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang tại Tờ trình số 03/TT-UB ngày 12 tháng 02 năm 2004, đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 5175/BKH-QLKTTW ngày 18 tháng 8 năm 2004, Công văn số 461/BKH-QLKTTW ngày 20 tháng 01 năm 2005 và ý kiến các Bộ, ngành có liên quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Khu kinh tế cửa khẩu Khánh Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang bao gồm 5 xã Khánh Bình, Khánh An, Quốc Thái, Nhơn Hội và Phú Hữu thuộc huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Điều 2. Khu kinh tế cửa khẩu Khánh Bình được áp dụng chính sách đối với Khu kinh tế cửa khẩu biên giới được quy